TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v: Ly hôn giữa bà Đ và ông V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lập

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Đức Mậu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Giang Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Kim V, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giang Thị Đ trình bày: Vào năm 1992, bà Đ và ông V quen biết nhau thương yêu nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên bà và ông V tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/7/2002. Trong quá trình chung sống bà và ông V có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/1993

và Lê Huy H, sinh ngày 10/9/2000, hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Bà Đ xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên bà và ông V đã ly thân từ đó cho đến nay, bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà Đ xin được ly hôn cùng ông V.

Về việc nuôi con chung: Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và theo biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2023, bị đơn ông Lê Kim V trình bày:

Ông V và bà Đ chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống ông và bà Đ có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/1993 và Lê Huy H, sinh ngày 10/9/2000, hiện các con đã trưởng thành. Nguyên nhân mẫu thuẫn giữa vợ chồng là do vào năm 2013, bà Đ đi theo người đàn ông khác và sống ở thành phố Hồ Chí Minh từ đó đến nay, chứ giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì trầm trọng để phải ly hôn với nhau, ông Đ cũng cho bà Đ nhiều cơ hội để sửa đổi và để cho con cái không phải buồn phiền nhưng hiện nay bà Đ vẫn không thay đổi và vẫn sống chung với người đàn ông khác. Thời gian chung sống thì ông và bà Đ có tài sản chung là 01 thửa đất diện tích là hơn 3000m^2 tại huyện K do bà Đ đứng tên, tài sản này vợ chồng ông đã làm giấy tay thống nhất tặng cho lại con trai là Lê Huy H, giấy tờ đất thì ông V đang cất giữ. Về nợ chung thì không có.

Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông V thì ông V có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông V chờ cho con trai là Lê Huy H học đại học ra trường thì ông mới đồng ý ly hôn, nên ông không đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V xác nhận đã thỏa thuận xong với bà Đ về tài sản chung nêu trên nên ông V không yêu cầu phản tố và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Đ, ông V vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Giang Thị Đ đối với bị đơn ông Lê Kim V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Giang Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của ông, bà. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Đ và ông V nhưng ông, bà vắng mặt tại phiên tòa, riêng bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông V chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/7/2002, do đó hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu, bà và ông V chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/1993 và Lê Huy H, sinh ngày 10/9/2000. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2013, giữa bà và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, mặt khác ông V

cũng xác nhận đã sống ly thân với bà Đ từ năm 2013 cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, cho thấy rằng việc ông V và bà Đ đã ly thân một thời gian dài cho đến nay nhưng vẫn không thể hàn gắn được hôn nhân của ông bà. Do đó, xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[4] Về việc nuôi con chung: Bà Đ và ông V đều xác nhận có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/1993 và Lê Huy H, sinh ngày 10/9/2000, hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và ông V đều xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và ông V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Đ yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Giang Thị Đ ly hôn với ông Lê Kim V.

2. Về nuôi con chung: Bà Đ và ông V đều xác nhận có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/1993 và Lê Huy H, sinh ngày 10/9/2000, hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Đ và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đ và ông V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Giang Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng bà Đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000092 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, bà Đ không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Bà Giang Thị Đ và ông Lê Kim V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Bình Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Quyên